

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quang Đức;
2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 664/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký tạm trú: Ấp I, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Chị N và anh H kết hôn vào ngày 25/11/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 02 người con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 và Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 22/5/2017. Nếu ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu N, còn anh H nuôi cháu D, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Điều kiện kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và thời gian sống ly thân giữa anh H và chị N đúng như chị N đã trình bày, nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị N có hai người con chung đúng như chị N đã trình bày. Anh H đồng ý giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 22/5/2017, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Văn H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do anh, chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy, việc chị N yêu cầu xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 và Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 22/5/2017. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu D cho anh H nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào, anh H đồng ý. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Mạnh D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011390 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan